

Trường Đại học Công nghệ TP.HCM (HUTECH)
công bố điểm chuẩn xét tuyển sớm
đối với hai phương thức học bạ đợt 1 năm 2023

Mức điểm chuẩn học bạ đợt 1 của từng ngành cụ thể như sau:

STT	Ngành, chuyên ngành	Mã ngành	Điểm chuẩn		Tổ hợp xét tuyển
			Học bạ 3 học kỳ	Học bạ lớp 12	
1	Công nghệ thông tin: - Công nghệ phần mềm - Hệ thống thông tin ứng dụng - Mạng máy tính - An toàn mạng - Máy học và ứng dụng	7480201	18	18	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) D01 (Toán, Văn, Anh)
2	An toàn thông tin	7480202	18	18	
3	Khoa học dữ liệu (Data Science)	7460108	18	18	
4	Hệ thống thông tin quản lý: - Hệ thống thông tin kinh doanh - Phân tích dữ liệu - Hệ thương mại điện tử - Hệ thống Blockchain/Crypto	7340405	18	18	
5	Robot và trí tuệ nhân tạo: - Robot thông minh - Dữ liệu và hệ thống	7510209	18	18	
6	Công nghệ kỹ thuật ô tô: - Máy găm ô tô - Xe hybrid	7510205	18	18	
7	Công nghệ ô tô điện	7520141	18	18	
8	Kỹ thuật cơ khí: - Công nghệ chế tạo máy và tự động hóa sản xuất - Kỹ thuật khuôn mẫu	7520103	18	18	
9	Kỹ thuật cơ điện tử: - Công nghệ cơ điện tử và hệ thống sản xuất thông minh - Lập trình hệ thống và chuyển đổi số	7520114	18	18	
10	Kỹ thuật điện: - Năng lượng tái tạo và quản lý năng lượng - Điện công nghiệp - Hệ thống điện thông minh	7520201	18	18	
11	Kỹ thuật điện tử - viễn thông:	7520207	18	18	

	- Công nghệ IoT và mạng truyền thông - Công nghệ mạch tích hợp - Điện tử công nghiệp				
12	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa: - Tự động hóa - IoT	7520216	18	18	
13	Kỹ thuật xây dựng: - Xây dựng dân dụng và công nghiệp - Xây dựng công trình giao thông - Ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng - BIM trong kỹ thuật xây dựng	7580201	18	18	
14	Quản lý xây dựng: - Quản lý dự án xây dựng - Tài chính trong xây dựng - BIM trong quản lý xây dựng	7580302	18	18	
15	Công nghệ dệt, may: - Quản lý sản xuất dệt, may - Công nghệ dệt, may thông minh	7540204	18	18	
16	Tài chính - Ngân hàng: - Tài chính ngân hàng - Tài chính doanh nghiệp - Đầu tư tài chính - Công nghệ tài chính	7340201	18	18	
17	Tài chính quốc tế: - Công nghệ tài chính quốc tế - Quản trị tài chính quốc tế - Đầu tư tài chính quốc tế	7340206	18	18	
18	Kế toán: - Kế toán ngân hàng - Kế toán tài chính - Kế toán quốc tế - Kế toán công - Kế toán số	7340301	18	18	
19	Quản trị kinh doanh: - Quản trị doanh nghiệp - Quản trị kinh doanh số - Quản trị hành chính văn phòng - Quản trị logistics - Quản trị Marketing - Nhượng quyền thương mại	7340101	18	18	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa) D01 (Toán, Văn, Anh)
20	Digital Marketing (Marketing số): - Chiến lược Digital Marketing - Quản trị Digital Marketing	7340114	18	18	

21	Marketing: - Marketing tổng hợp - Marketing truyền thông - Quản trị Marketing	7340115	18	18
22	Kinh doanh thương mại: - Thương mại quốc tế - Quản lý chuỗi cung ứng - Điều phối dự án	7340121	18	18
23	Kinh doanh quốc tế: - Thương mại quốc tế - Kinh doanh số	7340120	18	18
24	Kinh tế quốc tế: - Quản lý đầu tư quốc tế - Kinh tế đối ngoại	7310106	18	18
25	Thương mại điện tử: - Marketing trực tuyến - Kinh doanh trực tuyến - Giải pháp thương mại điện tử	7340122	18	18
26	Bất động sản	7340116	18	18
27	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	18	18
28	Tâm lý học: - Tham vấn tâm lý - Trị liệu tâm lý - Tổ chức nhân sự	7310401	18	18
29	Quan hệ công chúng: - Tổ chức sự kiện - Quản lý truyền thông - Truyền thông doanh nghiệp	7320108	18	18
30	Quan hệ quốc tế	7310206	18	18
31	Quản trị nhân lực	7340404	18	18
32	Quản trị khách sạn	7810201	18	18
33	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	18	18
34	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	18	18
35	Quản trị sự kiện	7340412	18	18
36	Quản lý thể dục thể thao	7810301	18	18
37	Luật kinh tế: - Luật Tài chính - ngân hàng - Luật Thương mại - Luật Kinh doanh	7380107	18	18
38	Luật thương mại quốc tế	7380109		

39	Luật: - Luật Dân sự - Luật Hình sự - Luật Hành chính	7380101	18	18	
40	Kiến trúc: - Kiến trúc công trình - Kiến trúc xanh	7580101	18	18	A00 (Toán, Lý, Hóa) D01 (Toán, Văn, Anh) V00 (Toán, Lý, Vẽ) H01 (Toán, Văn, Vẽ)
41	Thiết kế nội thất: - Thiết kế không gian nội thất - Thiết kế sản phẩm nội thất	7580108	18	18	
42	Thiết kế thời trang: - Thiết kế thời trang và thương hiệu - Kinh doanh thời trang (Fashion Marketing) - Thiết kế phong cách thời trang (Stylist)	7210404	18	18	
43	Thiết kế đồ họa: - Thiết kế đồ họa truyền thông - Thiết kế đồ họa kỹ thuật số	7210403	18	18	
44	Digital Art (Nghệ thuật số)	7210408	18	18	
45	Công nghệ điện ảnh, truyền hình - Quay phim điện ảnh và truyền hình - Sản xuất phim kỹ thuật số	7210302	18	18	
46	Thanh nhạc - Ca sĩ biểu diễn - Sản xuất âm nhạc - Cài lương	7210205	18	18	N00 (Văn, Năng khiếu 1, Năng khiếu 2)
47	Truyền thông đa phương tiện: - Sản xuất truyền hình - Sản xuất phim và quảng cáo - Tổ chức sự kiện	7320104	18	18	A01 (Toán, Lý, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa) D01 (Toán, Văn, Anh) D15 (Văn, Địa, Anh)
48	Đông phương học: - Văn hóa và ngôn ngữ Hàn Quốc - Văn hóa và ngôn ngữ Nhật Bản	7310608	18	18	
49	Ngôn ngữ Hàn Quốc: - Biên - phiên dịch tiếng Hàn - Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn	7220210	18	18	
50	Ngôn ngữ Trung Quốc: - Tiếng Trung thương mại - Biên - phiên dịch tiếng Trung - Văn hóa Trung Hoa	7220204	18	18	
51	Ngôn ngữ Anh: - Tiếng Anh thương mại - Tiếng Anh biên - phiên dịch	7220201	18	18	A01 (Toán, Lý, Anh) D01 (Toán, Văn, Anh) D14 (Văn, Sử, Anh)

	- <i>Tiếng Anh du lịch và khách sạn</i> - <i>Phương pháp giảng dạy tiếng Anh</i>				D15 (Văn, Địa, Anh)
52	Ngôn ngữ Nhật: - <i>Tiếng Nhật biên - phiên dịch</i> - <i>Tiếng Nhật thương mại</i> - <i>Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật</i>	7220209	18	18	
53	Dược học: - <i>Sản xuất và phát triển thuốc</i> - <i>Dược lâm sàng, Quản lý và cung ứng thuốc</i>	7720201	24	24	A00 (Toán, Lý, Hóa) B00 (Toán, Hóa, Sinh) C08 (Văn, Hóa, Sinh) D07 (Toán, Hóa, Anh)
54	Điều dưỡng	7720301	19.5	19.5	
55	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	19.5	19.5	
56	Thú y - <i>Bác sĩ thú y</i> - <i>Bệnh học thú y</i> - <i>Công nghệ thú y</i> - <i>Chăm sóc thẩm mỹ thú cưng</i>	7640101	18	18	
57	Công nghệ thực phẩm: - <i>Quản lý sản xuất và cung ứng thực phẩm</i> - <i>Quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm</i> - <i>Dinh dưỡng và công nghệ thực phẩm</i>	7540101	18	18	
58	Công nghệ sinh học: - <i>CNSH y dược</i> - <i>CNSH bảo quản và chế biến thực phẩm</i> - <i>CNSH mỹ phẩm</i> - <i>CNSH phát triển nông nghiệp hữu cơ</i>	7420201	18	18	
59	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	18	18	